

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hứa Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Hứa Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hứa Thị Thu Hương

Mã SV: 161 240 1023

Lớp : QT 2002K

Ngành : Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True*

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán.
- Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại: Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True - Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Thị Mai Linh*
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*
Họ và tên sinh viên: *Hứa Thị Thu Hương* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True*
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Hứa Thị Thu Hương* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2019). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2020

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1	3
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp.	3
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.....	5
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua	7
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.....	9
1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.....	13
1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.....	13
1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.	15
1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.....	17
1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.	22
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung.....	22
1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	24
1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	25
1.5.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:	26
1.5.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE	29
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.	29
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	29

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.....	31
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True. ...	33
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.	36
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	36
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	38
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True	40
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	40
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True	41
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True	48
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE	67
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	67
3.1.1. Ưu điểm.....	67
3.1.2. Hạn chế	69
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	70
KẾT LUẬN.....	80
1. Kết luận.....	80
2. Kiến nghị.....	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.....	243
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	254
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	25
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ	26
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy	27
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ xây lắp.	332
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty	332
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty	35
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	38
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	41
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.....	49

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Giấy báo có ngân hàng.....	42
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000072	444
Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung.....	465
Biểu số 2.4 : Trích sổ cái tài khoản 131	46
Biểu số 2.5: Sổ chi tiết phải thu khách hàng	47
Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng	48
Biểu số 2.7: Phiếu chi tiền.....	511
Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000749	533
Biểu số 2.9: Ủy nhiệm chi.....	555
Biểu số 2.10: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	566
Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000971	588
Biểu số 2.12: Ủy nhiệm chi	60
Biểu số 2.13: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	61
Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung.....	62
Biểu số 2.15: Trích sổ cái tài khoản 331	63
Biểu số 2.16: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	64
Biểu số 2.17: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	65
Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp phải trả người bán.....	66
Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2019.....	69

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tình hình tài chính của Doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động của Doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Doanh nghiệp phải xem cả tình hình tài chính của Doanh nghiệp mình mới có thể ra các quyết định kí kết hợp đồng có đủ khả năng thanh toán để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho Doanh nghiệp.

Có thể nói rằng, các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển.

Trong tình hình Việt Nam đang hòa mình vào nền kinh tế thế giới, đối mặt với nhiều khó khăn thử thách thì các doanh nghiệp nói chung và đối với Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True nói riêng cần phải có những biện pháp để củng cố và phát huy địa vị hơn nữa. Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True là công ty kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp nên phải đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán với người mua và người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một các tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là việc làm thật sự cần thiết và có ý nghĩa.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường có được những kiến thức cơ bản và đặc biệt trong quá trình thực tập tại phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True”*** làm đề tài khóa luận.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu những lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

- Qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

➤ **Đối tượng nghiên cứu:** Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

➤ **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về không gian: tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

- Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2019

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài. Bài viết đã tổng hợp các kiến thức liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014. Số liệu được lấy để minh họa trong bài viết được lấy trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến nhà quản lý cũng như những người có liên quan về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài như hỏi về vấn đề áp dụng công nghệ thông tin vào công tác ghi chép sổ sách kế toán, về công tác theo dõi công nợ phải thu khách hàng.

5. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – *Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.**

Bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người cung cấp (người bán hàng).

Có thể nói rằng, các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán sẽ có ảnh hưởng nhất định tới việc ghi chép của kế toán.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó không những giúp doanh nghiệp nắm được đầy đủ kịp thời tình hình thu nợ với khách hàng và nghĩa vụ thanh toán với người bán mà còn giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản trị nhanh chóng, kịp thời trong quá trình động kinh doanh.

1.2. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp.

Thanh toán: là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao tài sản từ một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi

nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Hình thức thanh toán bằng tiền mặt**

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, các giấy tờ có giá trị.

- **Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt**

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán.

Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là hình thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ. Hình thức này ngày càng được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền mặt trong lưu thông. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu:

Hình thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

Hình thức nhờ thu phiếu trơn: là phương thức thanh toán mà người bán ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu từ người mua, không gửi kèm theo bất cứ một chứng từ nào. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

Hình thức tín dụng chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.

Hình thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Tài khoản phải thu khách hàng (TK131) dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu

của người nhận thầu XDCCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

b) Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

c) Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

d) Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

đ) Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

e) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính ;
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

- **Tài khoản này có thể có số dư bên Có:** Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ

thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131,...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2). Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(3). Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(4). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5). Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(6). Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

đ) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7). Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9). Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(10). Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp

1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Đồng thời cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Tài khoản phải trả người bán (TK331) dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

b) Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng

phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

c) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

d) Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

đ) Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

e) Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

*** Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;

- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính lớn hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ: Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;

- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán; Sổ cái tài khoản 331, 111, 112, ...

1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(4). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(5). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(8). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(9). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(10). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

(11). Đối với đơn vị nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

(12). Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

- Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- (chi tiết từng đơn vị nhận ủy thác).

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

- Đơn vị nhận ủy thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán ủy thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

(13). Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

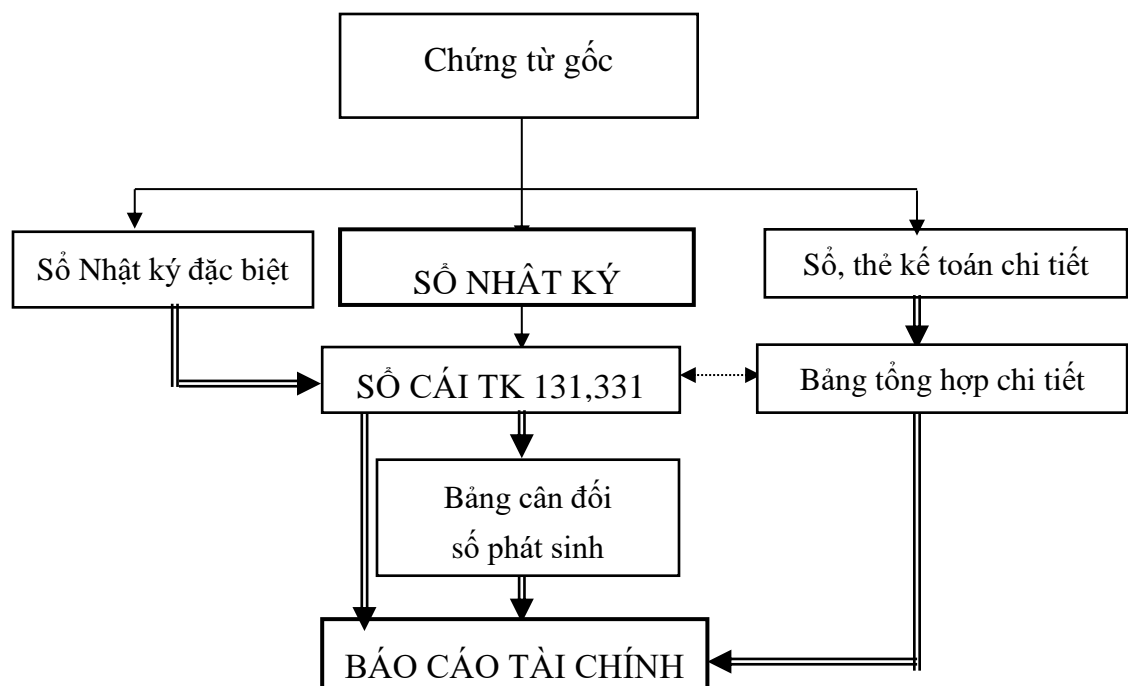
Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được

phản ánh vào sổ Nhật kí chung, sau đó số liệu từ Nhật kí chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật kí chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

—————> Ghi hàng ngày

- ====> Ghi định kỳ
- <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

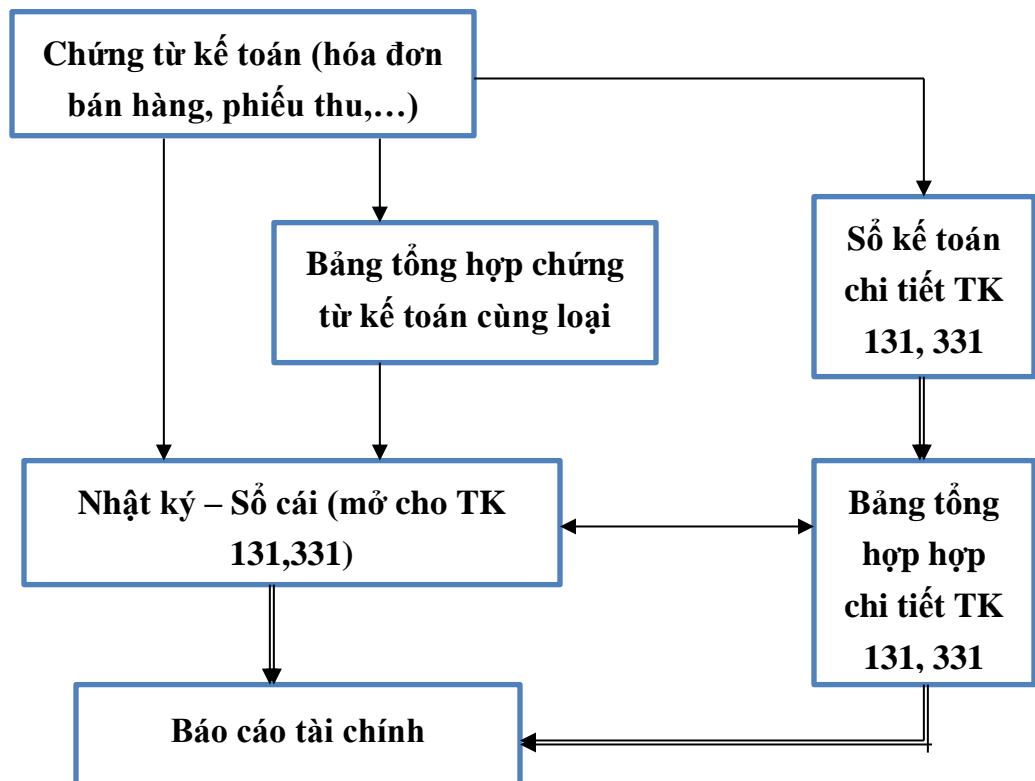
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←———— Ghi quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

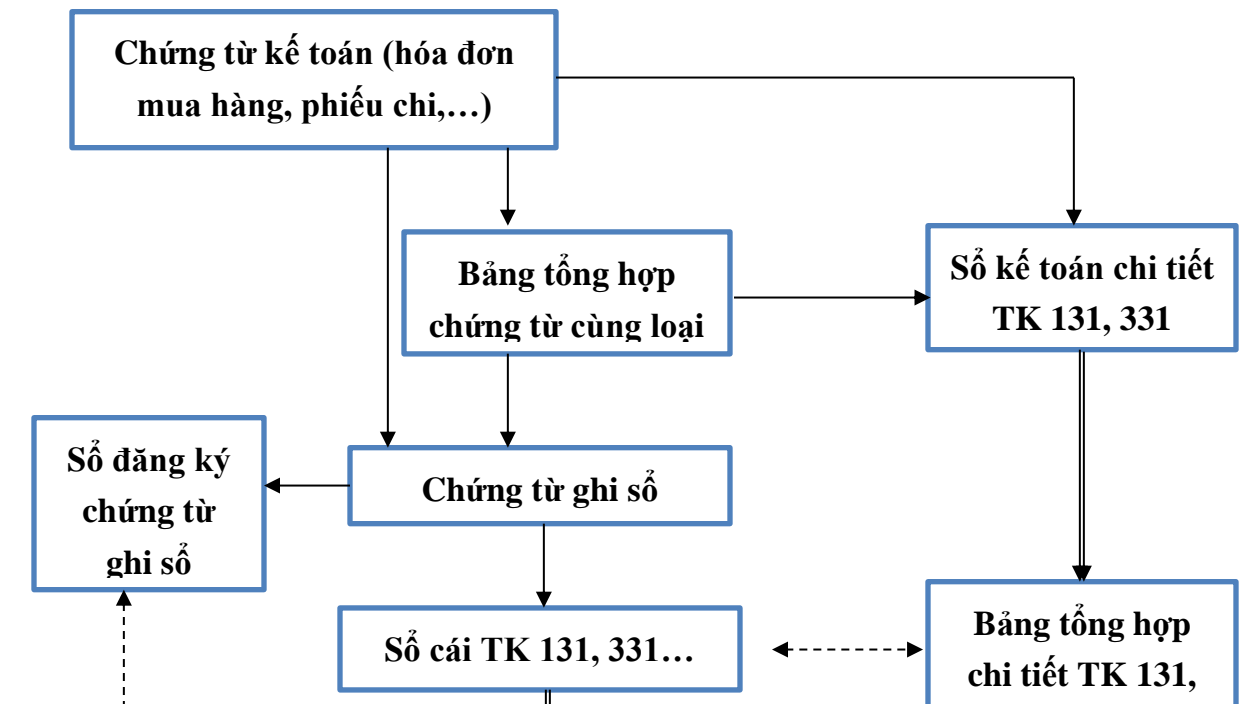
1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Bảng cân đối số phát sinh

Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.5.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

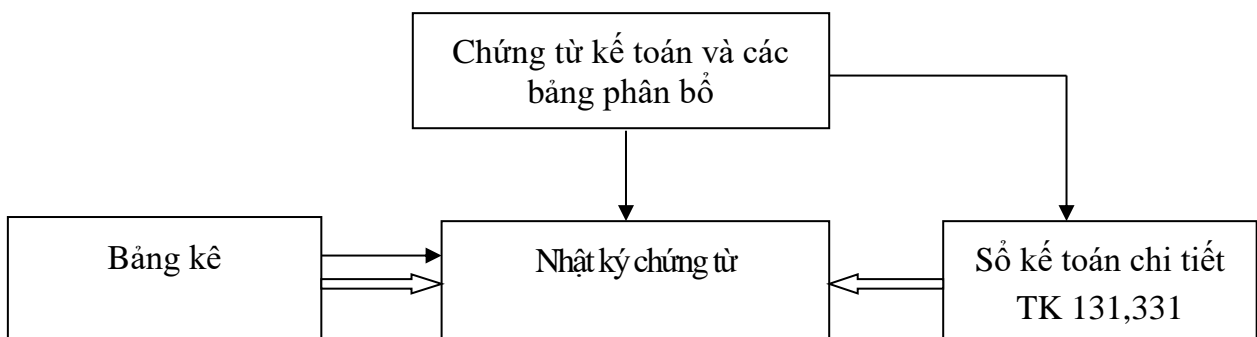
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ



**Chú thích:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ

1.5.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

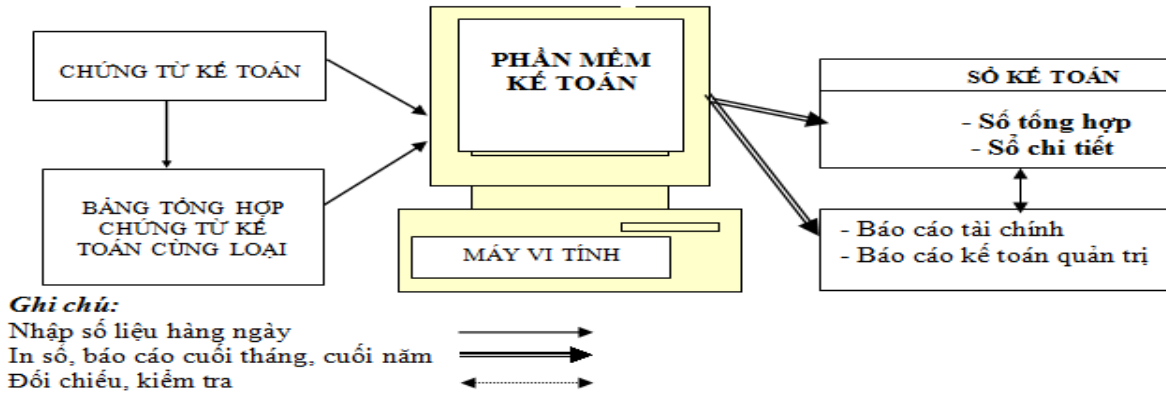
Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

Thông tin chung về công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE
Mã số thuế	5702004276
Địa chỉ	Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh
Người đại diện	Trần Ngọc Hưng
Ngày hoạt động	25/07/2015
Quản lý bởi	Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh
Loại hình DN	Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN

+ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True có giấy phép đăng ký kinh doanh số 5702004276 do Sở kế hoạch & đầu tư Quảng Ninh cấp.

+ Trong suốt quá trình kinh doanh, Công ty luôn có những tầm nhìn và chiến lược thích ứng với từng thời kỳ, từng giai đoạn kinh doanh. Nhìn nhận ra những nhu cầu của thị trường, luôn cập nhật những thông tin mới nhất, những sản phẩm mới nhất, chất lượng nhất đảm bảo mọi nhu cầu của các khách hàng. Chính vì vậy trong những năm tháng qua, doanh số của công ty tăng nhanh cùng tốc độ tăng trưởng của thị trường.

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True quyết tâm trở thành một đối tác - một nhà cung cấp công trình đáng tin cậy và mang phong cách hiện đại, chuyên nghiệp trong tương lai gần.

Trong dài hạn, dựa trên những thành công và kết quả vững chắc trong kinh doanh, Công ty sẽ mở rộng thị trường phát triển đa dạng hóa công trình và mong

muốn trở thành nhà cung ứng công trình dân dụng hàng đầu của thành phố cũng như của tỉnh.

Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

+ Thuận lợi:

- Chất lượng đội ngũ quản lý của công ty cao: Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng kinh doanh đều tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học; nhân viên của công ty đều tốt nghiệp cao đẳng trở lên. Ngoài ra công ty còn có hợp đồng lao động ngắn hạn đối với các công nhân xây dựng có tay nghề cao, lâu năm trong nghề. Vì thế mà chất lượng luôn được đảm bảo.

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt.

- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp.

- Có mối quan hệ tốt, để lại ấn tượng với khách hàng của đơn vị: ban dự án đầu tư thành phố, quận huyện trong địa bàn thành phố Hạ Long, các chủ đầu tư và các khách hàng nhỏ lẻ.

- Công ty nhận được sự ủng hộ của chính quyền và các cơ quan chức năng, đặc biệt là chính quyền địa phương nơi công ty đặt địa bàn, hưởng các ưu đãi thuế cho doanh nghiệp.

- Cơ sở vật chất tốt, đảm bảo an toàn trong lao động.

- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán.

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Cung cấp các công trình đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh nhất. Doanh thu, lợi nhuận tăng đều.

+ Khó khăn:

- Quy mô doanh nghiệp còn nhỏ nên nhiều dự án lớn chưa đủ khả năng tham gia vào.

- Có nhiều đối thủ cạnh tranh.

- Áp lực làm việc cao do nhiều dự án.

- Ngoài ra doanh nghiệp còn phải đối mặt với các rào cản từ chính sách thuế, rào cản hành chính.

Với những khó khăn hiện nay của nền kinh tế đối với doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế, lạm phát ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, với những chiến lược kinh doanh thông minh, linh hoạt, biết nắm bắt xu hướng, tâm lý khách hàng doanh nghiệp đã nắm vững thị phần và không những vậy thị phần ngày một gia tăng.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Mã	Ngành
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4291	Xây dựng công trình thủy
4292	Xây dựng công trình khai khoáng
4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

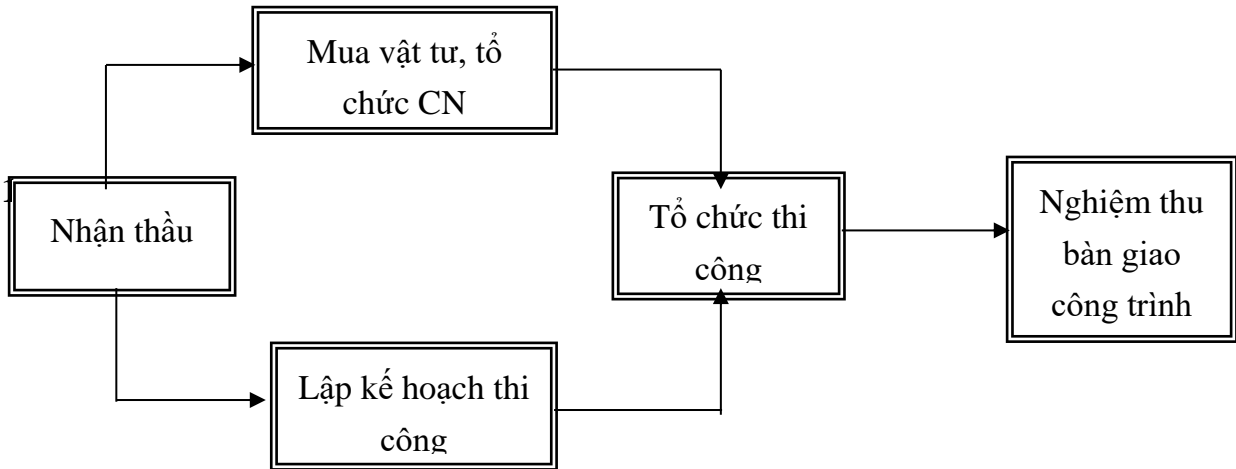
Mã	Ngành
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4690	Bán buôn tổng hợp
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
7911	Đại lý du lịch
7912	Điều hành tua du lịch
8121	Vệ sinh chung nhà cửa
8129	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác
8211	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
8219	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True là một công ty mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản nên quá trình sản xuất mang tính liên tục đa dạng, kéo dài và phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau.

Mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, địa điểm thi công thao tác khác nhau. Do đó quy trình sản xuất kinh doanh của công ty là quá trình liên tục khép kín từ giai đoạn thiết kế đến giai đoạn hoàn thiện và bàn giao công trình. Các giai đoạn thực hiện công trình xây dựng của công ty được tiến hành tuần tự theo các bước sau:

- + Nhận thầu thông qua đấu thầu hoặc giao thầu trực tiếp (Chỉ định thầu).
- + Ký hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư công trình (Bên A).
- + Trên cơ sở hồ sơ thiết kế và hợp đồng xây dựng đã được ký kết, công ty tổ chức quá trình sản xuất thi công để tạo ra công trình hay hạng mục công trình.
- + Xây dựng, lắp ráp hoàn thiện công trình.

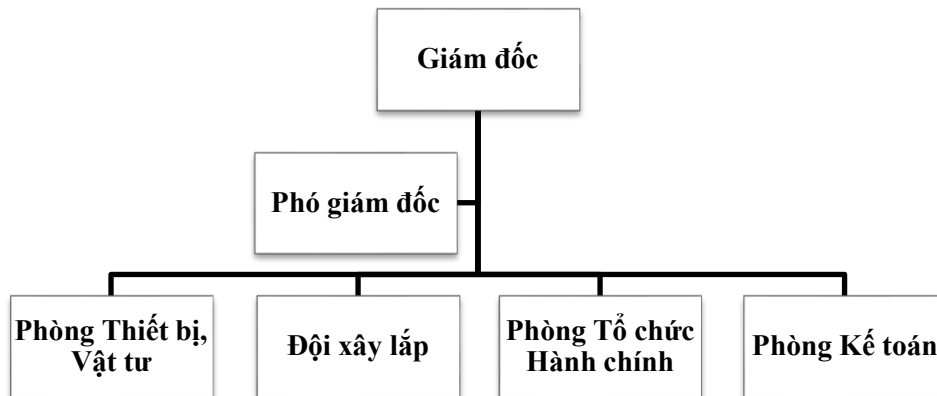
- + Công trình được hoàn thành dưới sự giám sát của tư vấn giám sát, chủ đầu tư công trình về mặt kỹ thuật và tiến độ thi công.
- + Bàn giao công trình hoàn thành và quyết toán hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.



Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ xây lắp.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

Công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các đội xây lắp có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Công ty được tổ chức hoạt động kinh doanh dưới hình thức công ty TNHH nên bộ máy quản lý của Công ty sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Giám đốc. Bộ máy hoạt động của Công ty bao gồm 3 phòng ban chức năng và 3 đội xây lắp. Trong đó, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, phòng ban chức năng được quy định cụ thể như sau:

*** Ban giám đốc:**

Giám đốc: Là người có quyền quyết định điều hành hoạt động của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động kinh doanh của Công ty trước pháp luật.

Được quyền thay thế hoặc miễn nhiệm những cán bộ hoặc người lao động khi xét thấy họ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

Phó giám đốc: Có nhiệm vụ giúp giám đốc giải quyết các công việc được phân công, có quyền ra mệnh lệnh cho các bộ phận do mình quản lý với quan hệ mang tính chỉ huy và phục tùng.

Là người tham mưu cho giám đốc, cùng giám đốc thương thảo các hợp đồng, dựa trên các phương án của phòng kế hoạch sản xuất để đưa ra các đơn giá phù hợp cho từng hợp đồng...

*** Các phòng ban chức năng:** Đây là một ban tham mưu giúp việc cho Giám đốc, chịu sự điều hành của ban Giám đốc. Ngoài việc thực hiện chức năng của mình, các phòng ban cũng phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm kiểm tra, đối chiếu số liệu và giúp đỡ nhau hoàn thành công việc được giao.

- Phòng Tổ chức Hành chính:

+ Quản lý về tổ chức hành chính tại công ty. Ban hành chính giúp giám đốc quản lý nhân sự văn phòng, tổ chức thực hiện hướng dẫn chính sách của người lao động.

+ Xây dựng kế hoạch về nhân sự trong từng thời kỳ.

+ Là đơn vị tham mưu giúp giám đốc chỉ đạo quản lý về tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng nguồn lực, ban hành các quy chế nội bộ.

+ Giải quyết các chế độ chính sách, quyền lợi của công nhân viên trong Công ty.

- Phòng Kế toán:

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi.

+ Thực hiện đúng các chế độ quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác của nhà nước, có kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm trình Giám đốc.

+ Tổng hợp quyết toán tài chính và phân tích tình hình tài chính hàng quý, hàng năm.

+ Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo chế độ quy định của Nhà nước.

+ Theo dõi tổng hợp tình hình sử dụng và đề xuất biện pháp quản lý mạng lưới kinh doanh của Công ty.

- Phòng Thiết bị - Vật tư:

+ Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án, các loại phương tiện xe máy thiết bị thi công, các sản phẩm khác để tổ chức thực hiện trong toàn Công ty.

+ Kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư, mức hao phí lao động trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt.

+ Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động, máy móc thiết bị và vệ sinh môi trường.

+ Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm.

+ Phối hợp với phòng Tổ chức hành chính xây dựng kế hoạch kiểm tra tay nghề, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của Công ty.

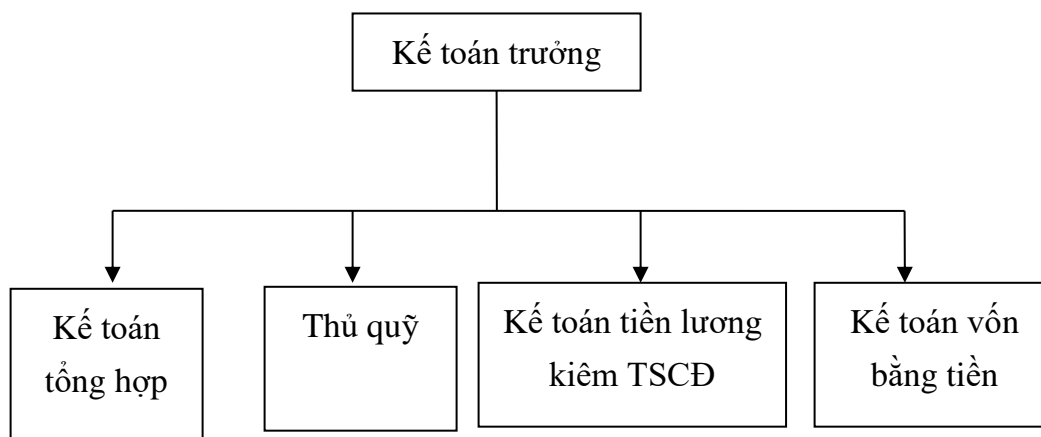
+ Quản lý công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, lực lượng phòng chống cháy nổ trong phạm vi toàn Công ty.

- **Các đội xây lắp:** Trực tiếp tổ chức thi công, lắp đặt các công trình, hạng mục công trình theo thiết kế dự toán đã được duyệt

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán thống kê cũng đã được chấn chỉnh từ sổ sách kế toán, quản lý chứng từ nên đã phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời hơn, chính xác hơn. Dưới đây là mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty

Nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận kế toán như sau:

- **Kế toán trưởng:** Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán - tài chính trong công ty, tổ chức điều hành bộ máy kế toán, lập báo cáo tài chính. Là người chịu trách nhiệm chung về thông tin do phòng Kế toán cung cấp, và thực hiện các khoản đóng góp của công ty với ngân sách Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ thuế và các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ theo dõi lập dự toán công trình; tập hợp và luân chuyển các chứng từ từ các phân hệ kế toán có liên quan để tập hợp các yếu tố chi phí như nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, máy thi công, nhân công, sản xuất chung vào phân hệ kế toán mình đảm nhiệm từ đó tính ra giá thành các công trình, hạng mục công trình và giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng công trình; cuối cùng quyết toán thanh toán khối lượng công trình hoàn thành. Là người tổng hợp số liệu kế toán lập báo cáo, tổng hợp các thông tin kế toán do các phân hành kế toán khác cung cấp.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, vay vốn tín dụng, lập các kế hoạch vay vốn và lập các kế hoạch thu chi. Kế toán chịu trách nhiệm trong việc thanh toán và tình hình thanh toán với tất cả khách hàng cộng thêm cả phần công nợ phải trả. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ gốc, kế toán thanh toán viết phiếu thu chi (đối với tiền mặt), séc, uỷ nhiệm chi....(đối với tiền gửi ngân hàng). Hàng tháng lập bảng tổng hợp séc và sổ chi tiết đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch

- **Kế toán tiền lương kiêm TSCĐ:** Thanh toán số lương phải trả trên cơ sở tiền lương cơ bản và tiền lương thực tế với tỉ lệ % theo quy định hiện hành. Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định. Tính và phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng.

- **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hằng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- **Niên độ kế toán** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- **Đơn vị tiền tệ** sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- **Phương pháp khấu hao:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ.
- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

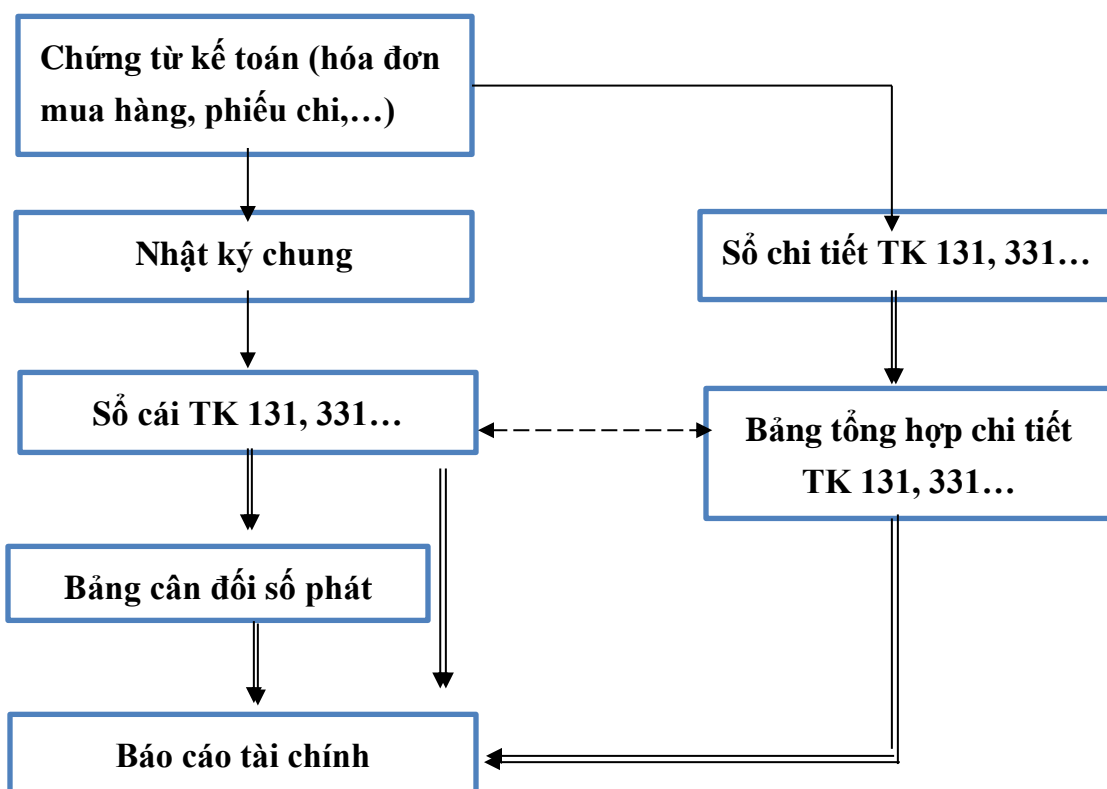
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

- Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản với quy mô lớn nên nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán:” Nhật ký chung”.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 511, 515, 111, 112, 131,331, 632, 911.....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131, bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn ...



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và sổ Nhật ký chung phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

❖ ***Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:***

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp

đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True có hai phương thức thanh toán đó là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

+ Đối với người mua: Công ty là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên khi ký hợp đồng với khách hàng công ty sẽ được ứng trước một phần giá trị hợp đồng để thi công công trình. Khi các hạng mục hoàn thành bàn giao công ty sẽ viết hóa đơn cho khách hàng và thanh toán tiếp. Thông thường khách hàng sẽ giữ lại từ 5% đến 10% giá trị hợp đồng tiền bảo hành công trình trong vòng một năm. Do giá trị hợp đồng lớn nên khách hàng gần như thanh toán cho Công ty bằng tiền gửi ngân hàng. Công ty có thể đứng vai trò là người thi công trực tiếp cho chủ đầu tư hay đứng vai trò là nhà thầu phụ.

+ Đối với người bán: Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản được áp dụng bắt buộc trong trường hợp thanh toán cho người bán với giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên, còn đối với khoản tiền có giá trị nhỏ hơn 20.000.000 đồng thì có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo tình hình thực tế có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

❖ Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

- + Hợp đồng xây lắp
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

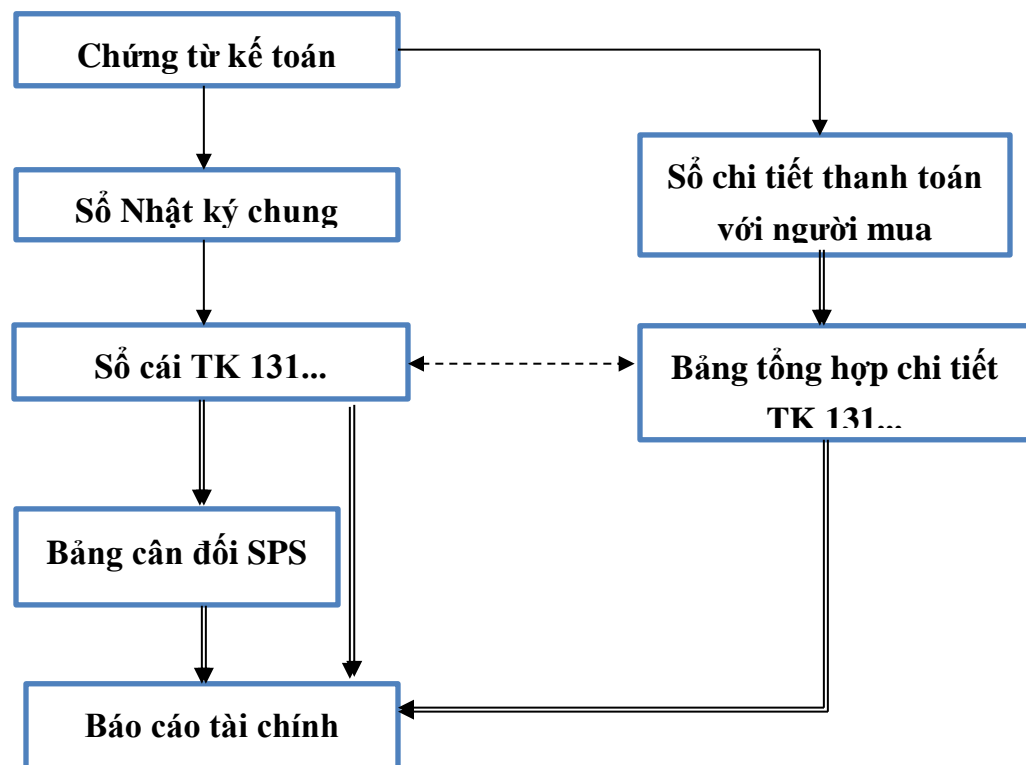
TK 131: Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình ứng trước cũng như thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết TK 131 cho từng khách hàng để theo dõi cho từng đối tượng.

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 = = = = => Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

*Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty
TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True*

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Ví dụ 1: Ngày 10/05/2019, Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng trước 30% tiền theo hợp đồng cho công ty số tiền là 140.415.000đ bằng chuyển khoản.

Định khoản:


Nợ 112:140.415.000

Có 131: 140.415.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và giấy báo có (biểu số 2.1). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3) và sổ cái TK 131 (biểu số 2.4).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và giấy báo có (biểu số 2.1), kế toán vào sổ chi tiết 131 (biểu số 2.5) và bảng tổng hợp phải thu khách hàng 131 (biểu số 2.6).

Biểu số 2.1: Giấy báo có ngân hàng

	Số: 212
	Mã GDV: NGADTQT
GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 52312
Ngày: 10/05/2019	

Kính gửi: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True**

Mã số thuế: 5702004276

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: **0801 7722 52312**

Số tiền bằng số: **140.415.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.**

Nội dung: **## Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng trước 30% giá trị công trình theo hợp đồng ##**

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Ví dụ 2: Ngày 25/08/2019, theo hóa đơn GTGT số 0000072 công ty nghiệm thu khối lượng xây lắp công trình cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long.

Định khoản:

Nợ 131: 468.050.000

Có 511: 425.500.000

Có 333: 42.550.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000072 (biểu số 2.2). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.3) và sổ cái TK 131 (biểu số 2.4).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000072 (biểu số 2.2), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người mua TK 131 (biểu số 2.5) và bảng tổng hợp phải thu khách hàng TK 131 (biểu số 2.6).

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000072

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: Nội bộ				Ký hiệu: AA/19P	
Ngày 25 tháng 08 năm 2019				Số: 0000072	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True Mã số thuế: 5702004276 Địa chỉ: Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh Điện thoại: (0203)3721751 - Fax: (0203)3714751 Số tài khoản: 0801 7722 52312 –MBBank – Quảng Ninh					
Họ tên người mua hàng: Vũ Kim Hải Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long Mã số thuế: 5701634209 Địa chỉ: số 112 Thi Sách, Hồng Hải, Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Hình thức thanh toán: CK, Số tài khoản: 0801 094 2446 –MBBank, Quảng Ninh					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Quyết toán công trình thoát nước TD42 – Cao Thắng theo HĐKT số 009/HĐKT và biên bản quyết toán.				425.500.000

Cộng tiền hàng		425.500.000
Thuế GTGT : 10%	Tiền thuế GTGT	42.550.000
Tổng cộng tiền thanh toán		468.050.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.		
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
10/05	BC 212	10/05	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng tiền thi công công trình	112 131	140.415.000	140.415.000
...
12/05	HD 971	12/05	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133 331	180.050.000 18.005.000	198.055.000
...
21/07	BN 461	21/07	Trả nợ cho Công ty TNHH Hải Hà	331 112	100.000.000	100.000.000
...
14/08	HD 1017	14/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133 331	69.500.000 6.950.000	76.450.000
...

25/08	HD 72	25/08	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	131 511 333	468.050.000	425.500.000 42.550.000
			...			
01/10	PC 574	01/10	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	331 111	10.000.000	10.000.000
			...			
03/10	HD 749	03/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133 331	29.670.000 2.967.000	32.637.000
...	
26/10	BN 565	26/10	Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng trả tiền	331 112	70.000.000	70.000.000
...	
			Cộng phát sinh năm		192.612.564.226	192.612.564.226

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.4 : Trích sổ cái tài khoản 131

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng - Số hiệu: 131

Năm 2019

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			3.126.450.172
			..			
15/01	BC 14	15/01	Công ty cổ phần Xây lắp Bình Minh ứng tiền	112		537.879.458
			...			
10/05	BC 212	10/05	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng tiền thi công công trình	112		140.415.000
			...			
25/08	HD 72	25/08	Nghiệm thu công trình cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	511 333	425.500.000 42.550.000	
			...			

16/11	BC 402	16/11	Công ty cổ phần Xây lắp Bình Minh thanh toán tiền	112		260.000.000
			...			
25/11	HD 111	25/11	Nghiệm thu hạng mục công trình bàn giao cho Công ty cổ phần Xây lắp Bình Minh	511 333	1.629.937.750 162.993.775	
			...			
			Cộng phát sinh năm		34.188.182.371	33.102.194.393
			Số dư cuối kỳ		4.212.438.150	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S13 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
Đối tượng : Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>1.817.182.243</u>	
			...					
10/05	BC 212	10/05	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng tiền thi công công trình	112		140.415.000	658.384.193	
			...					
25/08	HD72	25/08	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	511 333	425.500.000 42.550.000		1.526.183.182	
			...					
			Cộng số phát sinh		4.271.172.911	3.540.182.183		
			Số dư cuối kỳ				<u>2.548.172.971</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Công ty cổ phần Xây lắp Bình Minh	1.889.347.730		5.992.773.656	6.488.167.620	1.393.953.766	
	...						
05	Cty cổ phần xây lắp Hải Tân		250.000.000	893.193.500		643.193.500	
	...						
08	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	1.817.182.243		4.271.172.911	3.540.182.183	2.548.172.971	
	...						
	Cộng	4.357.734.995	1.231.284.823	34.188.182.371	33.102.194.393	5.641.832.380	1.429.394.230

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

❖ Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:

- + Hợp đồng mua bán
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

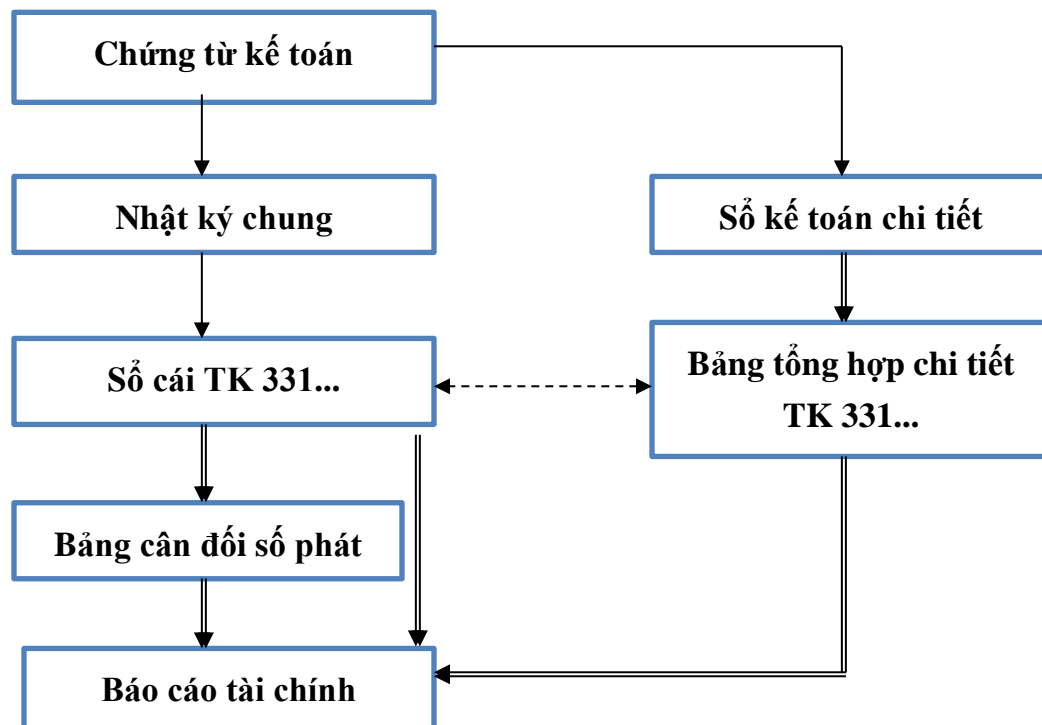
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 152 : Nguyên vật liệu
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...

❖ Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:

- + Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi định kỳ
- ←- - - -> : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 152, TK 133,...
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán.

Ví dụ 1: Ngày 01/10/2019, Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng mua vật liệu xây dựng cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng với số tiền 10.000.000đ, bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ 331: 10.000.000

Có 111: 10.000 .000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và phiếu chi số 574 (biểu số 2.7). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14) và sổ cái TK 331 (biểu số 2.15).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và phiếu chi số 574 (biểu số 2.7), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331 – Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng (biểu số 2.16) và bảng tổng hợp phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.7: Phiếu chi tiền

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Số: 574

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Linh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Chi tạm ứng tiền mua vật liệu xây dựng cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng

Số tiền: 10.000.000 (Viết bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 01 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Ví dụ 2: Ngày 03/10/2019, Mua vật liệu xây dựng của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng theo hóa đơn GTGT số 0000749, chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ 152: 29.670.000

Có 133: 2.967.000

Có 331: 32. 637.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000749 (biểu số 2.8). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14) và sổ cái TK 331 (biểu số 2.15).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000749 (biểu số 2.8), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331 – Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng (biểu số 2.16) và bảng tổng hợp phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000749

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AA/19P			
Ngày 03 tháng 10 năm 2019		Số: 0000749			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng Mã số thuế: 5700804196 Địa chỉ: Số 31, Trường Chinh, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh. Điện thoại: (0203)3721995 - Fax: (0203)3714605 Số tài khoản: 0801 0099 445 4 – MBBank – Hạ Long – Quảng Ninh					
Họ tên người mua hàng: Vũ Đức Linh Tên đơn vị: Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True Mã số thuế: 5702004276 Điện thoại: (0203)3721751 - Fax: (0203)3714751 Địa chỉ: Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh Hình thức thanh toán: CK, Số TK: 0801 7722 52312 – MBBank – Quảng Ninh					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Xi măng PC30	Bao	150	66.400	9.960.000
2	Bột bả	Bao	60	328.500	19.710.000
Cộng tiền hàng					29.670.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		2.967.000
Tổng cộng tiền thanh toán					32.637.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Ví dụ 3: Ngày 26/10/2019, công ty thanh toán 70.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng bằng chuyển khoản.

Định khoản:


Nợ 331: 70.000.000

Có 112: 70.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và ủy nhiệm chi số 565 (biểu số 2.9) và giấy báo nợ số 565 (biểu số 2.10). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14) và sổ cái TK 331 (biểu số 2.15).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và ủy nhiệm chi số 565 (biểu số 2.9) và giấy báo nợ số 565 (biểu số 2.10), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331 – Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng (biểu số 2.16) và bảng tổng hợp phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.10: Giấy báo nợ của ngân hàng

	<p>GIẤY BÁO NỢ</p>	<p>Số: 565</p>
<p>Ngày: 26/10/2019</p>	<p>Mã GDV: PHUCDTQTO</p>	<p>Mã KH: 52312</p>
<p>Kính gửi: Công ty Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True Mã số thuế: 5702004276</p>		
<p>Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:</p>		
<p>Số tài khoản ghi NỢ : 0801 7722 52312</p>		
<p>Số tiền bằng số: 70.000.000</p>		
<p>Số tiền bằng chữ: <i>Bảy mươi triệu đồng chẵn.</i></p>		
<p>Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng##</p>		
<p>Giao dịch viên</p>	<p>Kiểm soát</p>	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Ví dụ 4: Ngày 12/05/2019, Công ty mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH Hải Hà theo hóa đơn GTGT số 0000971, chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ 152: 180.050.000

Nợ 133: 18.005.000

Có 331: 198.055.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000971 (biểu số 2.11). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14) và sổ cái TK 331 (biểu số 2.15).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000971 (biểu số 2.11), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331 – Công ty TNHH Hải Hà (biểu số 2.17) và bảng tổng hợp phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000971

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Hải Hà**

Mã số thuế: 5701634209

Điện thoại: (0203)3721995 - Fax: (0203)3714605

Địa chỉ: số 96 Cao Thắng, Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK, Số tài khoản: 0801 7722 61346–MBBank, Quảng Ninh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: AA/19P

Ngày 12 tháng 05 năm 2019

Số: 0000971

Họ tên người mua hàng: **Vũ Đức Linh**

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True**

Mã số thuế: 5702004276

Điện thoại: (0203)3721751 - Fax: (0203)3714751

Địa chỉ: Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK, Số TK: 0801 7722 52312 –MBBank – Quảng Ninh

STT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tôn mạ màu	Kg	2.700	23.500	63.450.000
2	Thép tấm các loại	Kg	1.250	16.000	20.000.000
3	Thép hình các loại	Kg	9.200	10.500	96.600.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					180.050.000
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT:</i>		18.005.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					198.055.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng.</i>					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Ví dụ 5: Ngày 21/07/2019, công ty thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Hải Hà bằng chuyển khoản, số tiền 100.000.000 đồng.

Định khoản:

Nợ 331: 100.000.000

Có 112: 100.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và ủy nhiệm chi số 461 (biểu số 2.12) và giấy báo nợ số 461 (biểu số 2.13). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.14) và sổ cái TK 331 (biểu số 2.15).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và ủy nhiệm chi số 461 (biểu số 2.12) và giấy báo nợ số 461 (biểu số 2.13), kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331 – Công ty TNHH Hải Hà (biểu số 2.17) và bảng tổng hợp phải trả người bán TK 331 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.13: Giấy báo nợ của ngân hàng



GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 21/07/2019

Số: 461

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 52312

Kính gửi: Công ty Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Mã số thuế:5702004276

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0801 7722 52312

Số tiền bằng số: 100.000.000

Số tiền bằng chữ: *Một trăm triệu đồng chẵn.*

Nội dung: ##Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Hải Hà##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
10/05	BC 212	10/05	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long ứng tiền thi công công trình	112 131	140.415.000	140.415.000
...
12/05	HD 971	12/05	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133 331	180.050.000 18.005.000	198.055.000
...
21/07	BN 461	21/07	Trả nợ cho Công ty TNHH Hải Hà	331 112	100.000.000	100.000.000
...
14/08	HD 1017	14/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133 331	69.500.000 6.950.000	76.450.000
...
25/08	HD 72	25/08	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	131 511 333	468.050.000	425.500.000 42.550.000
...
01/10	PC 574	01/10	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	331 111	10.000.000	10.000.000
...
03/10	HĐ 749	03/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133 331	29.670.000 2.967.000	32.637.000
...
26/10	BN 565	26/10	Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng trả tiền	331 112	70.000.000	70.000.000
...
Cộng phát sinh năm					392.612.564.226	392.612.564.226

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán - Số hiệu: 331
Năm 2019

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>2.166.283.194</u>
			...			
12/05	HD 971	12/05	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		180.050.000 18.005.000
			...			
21/07	BN 461	21/07	Trả nợ cho Công ty TNHH Hải Hà	112	100.000.000	
			...			
11/08	HD 1011	11/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		345.500.400 34.550.040
			...			
14/08	HD 1017	14/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		69.500.000 6.950.000
			...			
01/10	PC 574	01/10	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	111	10.000.000	
			...			
03/10	HĐ 749	03/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133		29.670.000 2.967.000
			...			
07/10	HĐ 824	07/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133		66.750.500 6.675.050
...			
26/10	BN 565	26/10	Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng trả tiền	112	70.000.000	
...			
			Cộng phát sinh năm		17.293.163.985	18.002.495.581
			Số dư cuối kỳ			2.875.614.790

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S13 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					119.172.182
			...					
01/10	PC 574	01/10	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	111	10.000.000		10.000.000	
			...					
03/10	HD 749	03/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133		29.670.000 2.967.000		221.294.104
			...					
07/10	HD 824	07/10	Mua vật tư của Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng	152 133		66.750.500 6.675.050		441.361.791
...					
26/10	BN 565	26/10	Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng trả tiền	112	70.000.000			125.182.391
			...					
			Cộng số phát sinh		1.652.190.441	1.826.192.552		
			Số dư cuối kỳ					293.174.293

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

Mẫu số S13 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH Hải Hà

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					231.934.274
			...					
12/05	HD 971	12/05	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		180.050.000 18.005.000		412.188.192
			...					
21/07	BN 461	21/07	Trả nợ cho Công ty TNHH Hải Hà	112	100.000.000			312.912.113
			...					
11/08	HD 1011	11/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		345.500.400 34.550.040		434.001800
			...					
14/08	HD 1017	14/08	Mua vật tư của Công ty TNHH Hải Hà	152 133		69.500.000 6.950.000		216.882.540
			...					
			Cộng số phát sinh		821.183.149	1.102.192.731		
			Số dư cuối kỳ					512.943.856

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True
Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331
Tên tài khoản: Phải trả người bán
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty cổ phần Thương mại Hồng Đăng		119.172.182	1.652.190.441	1.826.192.552		293.174.293
2	Công ty TNHH Hải Hà		231.934.274	821.183.149	1.102.192.731		512.943.856
3	Công ty cung cấp Vật tư Phúc Kiến		354.881.992	1.551.877.222	1.661.883.661		464.888.431
4	Công ty TNHH Đức Tiệp		231.900.274	1.177.198.982	991.772.372		46.473.664
5	Công ty Cổ phần Hòa Đăng		112.884.354	936.625.534	1.203.467.671		379.726.491
	...						
8	Công ty TNHH TM Cường Phương Nhung		225.400.163	858.211.660	880.769.325		247.957.828
	...						
	Cộng	0	2.166.283.194	17.293.163.985	18.002.495.581	0	2.875.614.790

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ THE TRUE****3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.**

Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng cần phải hoàn thiện hơn.

Bên cạnh những ưu điểm, thì công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True còn tồn tại nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán với người mua và người bán là phải tìm cách phát huy những ưu điểm và hạn chế và khắc phục những nhược điểm để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm**- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

+ Bộ máy tổ chức kế toán của công ty tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhiệm chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo được sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực làm việc của bản thân.

+ Về nhân sự, bộ máy kế toán gồm năm người: một kế toán trưởng và bốn kế toán bộ phận, phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Hơn nữa, đội ngũ kế toán có chuyên môn và kinh nghiệm làm việc nhiều năm (trình độ kế toán tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán thực hiện chính xác và kịp thời.

+ Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

- **Về hình thức kế toán:** Công ty hiện đang áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ theo trình tự thời gian.

- **Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- **Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:**

+ Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Việc mở sổ chi tiết giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

+ Để tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, không là gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty thực hiện thanh toán đúng thời hạn hợp đồng kinh tế

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh. Điều này không phản ánh đúng trạng tình hình tài chính tại đơn vị trên các báo cáo tài chính và làm ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong thời gian tới.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU
ĐẾN NGÀY 31/12/2019**

T T	Tên khách hàng	Số tiền nợ				Ghi chú
		Cuối kỳ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	
1	Công ty TNHH Khúc Nhất	242.192.500			242.192.500	
..	
4	Cty cổ phần Vận tải Minh Chính	461.294.182			461.294.182	
...			
10	Công ty Cổ phần Xây lắp và Tư vấn Thiết Kế Hạ Long	1.817.182.243	1.817.182.243			
...	
	Tổng cộng	5.641.832.380	2.862.482.662	1.832.807.521	946.542.197	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Tổng hợp từ phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Thứ hai, đối với các khoản nợ phải thu thì công ty chưa có biện pháp để thu hồi nợ hiệu quả. Công ty còn bị đọng trong công tác thu hồi nợ đọng nên dẫn đến vốn của công ty bị cạn kiệt chiếm dụng trong khi đó công ty luôn trong tình trạng thiếu vốn phải đi huy động bên ngoài.

Thứ ba, về công tác thanh toán cho người bán.

Công ty có nhiều hoạt động mua bán với những công ty khác, có những khoản công ty phải thanh toán tiền ngay nhưng đa phần công ty được nợ có thời hạn. Có nhiều khoản nợ công ty đến hạn phải thanh toán với người bán nhưng công ty lại chưa trả đúng hạn. Điều này là do công ty chưa thu hồi kịp các khoản nợ phải thu cũng như chưa xây dựng kế hoạch về vốn hợp lý nên dẫn đến việc thanh toán cho khách hàng nhiều khi không đúng hạn, làm giảm uy tín của công ty với bạn hàng.

Thứ tư, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc vì vậy việc tổng hợp số liệu phục vụ cho yêu cầu quản trị còn hạn chế.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị đề xuất nhằm góp một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty như sau:

➤ **Ý kiến thứ nhất: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Hiện nay, Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng

không thể thanh toán được theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính.

** Cơ sở và đối tượng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

+ Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 48/2019-BTC ngày 28/8/2019.

+ Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn.

** Điều kiện để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

(1). Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ; Bản thanh lý hợp đồng (nếu có); Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát); Bảng kê công nợ; Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

(2). Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

❖ *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293: dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

❖ *Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí:

+ Khi lập Báo cáo tài chính năm N+1, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ

kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

+ Khi lập Báo cáo tài chính năm N+1, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

+ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được, kế toán căn cứ vào giá trị của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

+ Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thoả thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thoả thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

+ Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2019 được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True

Địa chỉ: Số 13, Khu 4A, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2019

STT	Tên Khách Hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Khúc Nhất	242.192.500	9 tháng 15 ngày	30%	72.657.750
			
3	Cty cổ phần Vận tải Minh Chính	461.294.182	1 năm 1 tháng 18 ngày	50%	230.647.091
	..				
6	Cty cổ phần Quốc tế Song Phương	112.234.110	8 tháng 20 ngày	30%	33.670.233
...	
	Tổng cộng	946.542.197	X	x	421.765.302

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Tổng hợp từ phòng Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True)

Như vậy, tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2019 cho khoản nợ quá hạn là: 421.765.302 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 421.765.302

Có TK 229(3) : 421.765.302

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

➤ **Ý kiến thứ 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.**

Muốn thu hồi nợ sớm công ty cần áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng MBBank nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên tại ngày 31/12/2019 là 5,6% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,8%/năm. Công ty sẽ dựa vào đó để đưa ra các mức chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 0,7%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày

- Chiết khấu 0,8%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ trước hạn. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ **Ý kiến thứ 3: Về thanh toán cho người bán đúng hạn.**

Các khoản nợ phải trả người bán nhìn chung đã được công ty thanh toán đúng hạn. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh khoản nợ quá hạn trong kỳ làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty trong quan hệ thanh toán. Vì vậy, công ty cần:

- + Mở sổ theo dõi nhằm phân loại nợ để có kế hoạch thanh toán kịp thời cho các khoản nợ đến hạn.
- + Xây dựng kế hoạch về vốn để đảm nhu cầu về vốn trong quá trình kinh doanh cũng như nhu cầu về vốn cho việc thanh toán nợ.
- + Xây dựng kế hoạch trả nợ đúng hạn cho nhà cung cấp trong trường hợp đến hạn thanh toán.

Nếu công ty làm được điều này sẽ làm tăng uy tín của mình đối với các nhà cung cấp, tạo niềm tin đối với các đối tác làm ăn với doanh nghiệp trong tương lai.

➤ **Ý kiến thứ 4: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.**

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán

máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➔ **Phần mềm kế toán Fast Accounting**

Các tính năng chính

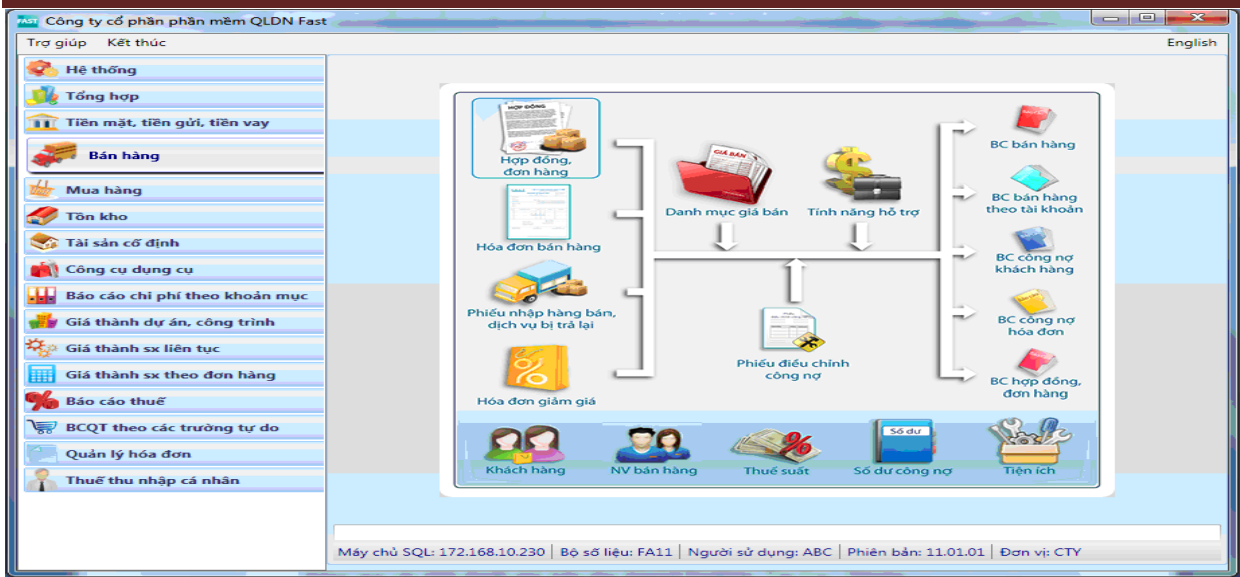
- Khai báo năm tài chính, có thể khác với năm lịch hành chính thông thường. Khai báo kỳ bắt đầu nhập liệu vào phần mềm.

- Khai báo các thông tin ngầm định, một số quy tắc khi nhập liệu cho từng chứng từ. Khai báo các thông tin liên quan đến các quyển chứng từ. Với các quyển chứng từ khác nhau giúp người sử dụng có thể nhập đồng thời, độc lập các hóa đơn, các phiếu nhập xuất kho từ các quyển chứng từ khác nhau từ các máy làm việc khác nhau.

- Khai báo danh mục các loại tiền sử dụng, tỷ giá quy đổi ra đồng tiền hạch toán

- Khai báo danh mục các đơn vị cơ sở, cho phép quản lý số liệu riêng của từng đơn vị cấp dưới cũng như tổng hợp số liệu của toàn doanh nghiệp.

- Khai báo các tham số hệ thống dùng chung cho toàn bộ phần mềm như mã đồng tiền hạch toán, loại sổ sách sử dụng... Khai báo các thông tin tùy chọn giúp người sử dụng làm việc với phần mềm được thuận tiện hơn.



➔ Phần mềm kế toán Misa (MISA SME.NET 2019)

Tính năng cơ bản:

- Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.
- **Công cụ quản trị tài chính hiệu quả:** Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- **Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất:** Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019 có 13 phân hệ, bao gồm: Phân hệ Quỹ; Phân hệ Ngân hàng; Phân hệ Mua hàng; Phân hệ Bán hàng; Phân hệ Kho; Phân hệ Tài sản cố định; Phân hệ Tiền lương; Phân hệ giá thành; Phân hệ Thuế; Phân hệ Hợp đồng; Phân hệ Cổ đông; Phân hệ Ngân sách; Phân hệ Tổng hợp.

➔ Phần mềm kế toán ACMAN

Tích năng cơ bản:

- Chương trình chạy ổn định, đơn giản, dễ sử dụng
- Hệ thống sổ sách, báo cáo đầy đủ theo quy định
- Tính năng mở, áp dụng mọi loại hình doanh nghiệp
- Sử dụng nhiều doanh nghiệp trên một bản quyền
- Đáp ứng tối đa nhu cầu kế toán quản trị, kế toán thuế.



Giá sản phẩm: **Liên hệ.**

Qua đây, để công tác kế toán được hoạt động với công suất cao cũng như việc xử lý thông tin nhanh nhạy, Công ty nên áp dụng kế toán máy bằng phần mềm kế toán. Cụ thể, theo em Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019 vào trong việc hạch toán kế toán tại doanh nghiệp do những tiện lợi mà phần mềm đem lại, đặc biệt là phần mềm có phân hệ cổ đông thích hợp cho loại hình Công ty Cổ phần.

KẾT LUẬN**1. Kết luận**

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC.

- + Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- + Công tác thu hồi nợ

- + Công tác thanh toán cho người bán

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True:

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Kiến nghị về việc xây dựng các biện pháp thu hồi nợ phải thu.
- Kiến nghị về thanh toán cho người bán kịp thời, tránh dây dưa
- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo ***ThS. Nguyễn Thị Mai Linh*** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên
Hứa Thị Thu Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính, Thông tư 200/2014/TT (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*
4. Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư The True (2019) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Tài liệu khác trên mạng internet.